TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30**/2019/KDTM-PT.
Ngày: 18/4/2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Giang-Thư ký Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Ông Trần Văn Lừng-Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2019/KTPT ngày 22/2/2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXX-PT ngày 12/3/2019 giữa:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Q
Địa chỉ: Tầng 1, 6, 7 Tòa nhà C, 16 P, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, Chức vụ: Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H, Chức vụ: Giám đốc trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối quản trị rủi ro.
Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Minh Đ, Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng (bà H vắng mặt, ông Đ có mặt).

** Bị đơn:* Ông Chu Văn T, sinh năm 1978 (có mặt).
Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1985 (vắng mặt).
Cùng trú tại: Thôn 1, V, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960;
2. Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1984;
3. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986;
Cùng trú tại: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội.
4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951;
5. Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1979;

6. Chị Chu Thị L, sinh năm 1989;

Cùng trú tại: Cổng Đình, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

7. Anh Nguyễn Phú N, sinh năm 1986;

8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987;

9. Bà Nguyễn Thị Nsinh năm 1952

10. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962;

11. Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1950;

12. Anh Nguyễn Phú T, sinh năm 1995.

Cùng trú tại: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng/ V) và ông Chu Văn T, bà Đỗ Thị L đã ký hợp đồng tín dụng số 008/HĐTD1-VIB038/11 ngày 11/5/2011. Theo đó, Ngân hàng cho ông T, bà L vay số tiền 7.400.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà L đủ số tiền vay theo khế ước nhận nợ số số 008.03/KUNN1-VIB038/11 ngày 19/10/2011 và Khế ước nhận nợ 008.04/KUNN1-VIB038/11 ngày 21/10/2011; thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày 21/10/2011; lãi suất vay 22%/năm, được điều chỉnh 01 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn 01 tháng của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu 3,3%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ sắt, thép, giàn giáo cốt pha.

Các tài sản để thế chấp cho khoản vay là:

+ Quyền sử dụng 99m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 047236, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.02457/QSDĐ/1607/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 3/7/2008 cho bà Nguyễn Thị N. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1503/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 4/5/2011.

+ Quyền sử dụng 100m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 811082, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.01765/QSDĐ/2308/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 15/11/2007 cho Nguyễn Phú T, sang tên cho ông Nguyễn Phú T ngày 21/4/2011. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1504/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 4/5/2011.

+ Quyền sử dụng 153m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 759879, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.01326/QSDĐ/248/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 9/3/2007 cho bà Nguyễn Thị N. Tài sản bảo đảm được thế

chấp theo hợp đồng thế chấp số 1505/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 4/5/2011.

+ Quyền sử dụng 139m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 809448, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.01641/QSDĐ/1231/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 2/8/2007 cho ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị D. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1492/2011, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 29/4/2011.

Thực hiện hợp đồng ông T, bà L đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi như sau: gốc là 1.600.000.403 đồng; lãi trong hạn: 210.522.420 đồng; lãi quá hạn: 3.426 đồng; Tổng cộng: 1.810.526.249 đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 5/01/2012. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày 31/10/2018, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số 008.03/KUNN1-VIB038/11: Nợ gốc là 1.399.999.597 đồng; Nợ lãi trong hạn là 187.849.247 đồng; Nợ lãi quá hạn trên gốc là 5.435.594.863 đồng; Nợ lãi quá hạn trên lãi là 381.010.458 đồng. Tổng là 7.394.454.165 đồng.

Khế ước nhận nợ số 008.04/KUNN1-VIB038/11: Nợ gốc là 4.400.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 282.528.890 đồng; Nợ lãi quá hạn trên gốc là 8.545.075.000 đồng; Nợ lãi quá hạn trên lãi: 558.674.379 đồng; Tổng là 13.786.278.269 đồng.

Tổng cả hai khế ước là: Nợ gốc là 5.799.999.597 đồng; Nợ lãi trong hạn là 470.378.137 đồng; Nợ lãi quá hạn trên gốc là 14.683.669.863 đồng; Nợ lãi quá hạn trên lãi là 939.684.837 đồng.Tổng cộng: 21.180.732.434 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông T, bà L thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/10/2018 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông T, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng. Trường hợp các tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông T, bà L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông T, bà L trình bày:

Năm 2011, ông, bà vay của Ngân hàng số tiền 7.400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ như Ngân hàng đã trình bày.

Để bảo đảm cho khoản vay, ông bà đã dùng 04 tài sản là quyền sử dụng đất để thế chấp cho Ngân hàng đúng như Ngân hàng trình bày.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, từ khi vay đến nay ông, bà đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi là 1.810.526.249 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông T, bà L xác định hiện nay do làm ăn thua lỗ, hiện tại ông, bà không có khả năng để thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng giãn nợ vài năm tới.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Hoàng Thị N, anh Nguyễn Phú T và chị Nguyễn Thị D: Thửa đất số 423, tờ bản đồ số 03, diện tích 139m^2 tại thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội nguồn gốc là của bà N và chồng là ông Nguyễn Phú N (đã chết) tặng cho anh T, chị D. Năm 2011, anh Th, chị D dùng tài sản trên thế chấp đảm bảo cho khoản vay của anh T, chị L. Nay bà N, anh T, chị D yêu cầu Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi, giảm giá để anh T, chị L trả nợ Ngân hàng, lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho anh T, chị D.

- Bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Phú N và chị Nguyễn Thị T: Thửa đất số 404, tờ bản đồ số 3, diện tích 99m^2 tại thôn 5, xã P, Thạch Thất, Hà Nội đứng tên bà N. Năm 2011, anh T, chị L cần vốn làm ăn nên tôi có dùng tài sản này thế chấp cho Ngân hàng V để anh T, chị L vay tiền. Hiện tại trên đất anh N và chị T (là con của bà N) đang sinh sống. Bà N, anh N, chị T đề nghị anh T, chị L có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho bà N.

- Anh Nguyễn Phú T, chị Nguyễn Thị L: Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 00, diện tích 100m^2 thôn C, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội đứng tên anh T do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Phú T ngày 21/4/2011. Tháng 5/2011, anh T, chị L có nhu cầu vay vốn Ngân hàng V nên anh, chị đồng ý thế chấp tài sản trên để đảm bảo cho khoản vay của anh T, chị L. Anh, chị đề nghị anh T, chị L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho anh, chị.

- Bà Nguyễn Thị N: Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 3, diện tích 153m^2 tại thôn 5, xã P, Thạch Thất, Hà Nội do bà đứng tên chủ sử dụng đất. Năm 2011, anh T, chị L cần vốn làm ăn nên bà có thế chấp tài sản trên để đảm bảo cho khoản vay của anh T, chị L tại Ngân hàng. Hiện tại trên đất bà cho ông T, bà Y và anh T ở nhờ đã lâu. Bà đề nghị anh Tg, chị L có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho bà.

- Bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Phú T và anh Nguyễn Phú T: Ông T là em trai của bà N. Gia đình ông T, bà Y, anh T ở nhờ trên nhà, đất của bà N từ năm 1987 đến nay. Bà N thế chấp quyền sử dụng đất đảm bảo cho khoản vay của anh T, chị L tại Ngân hàng thì ông, bà không biết, ông, bà không có ý kiến gì. Năm 2017 anh T có sửa sang lại (trát tường, lợp mái tôn) và làm công trình phụ phần nhà cấp 4 trên đất. Anh T đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh T, chị L trả nợ để gia đình anh tiếp tục ở trên đất vì hiện tại gia đình anh khó khăn, không còn phần đất nào khác để sinh sống.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất đã xử:

Áp dụng các điều 122, 124, 343, 351, 355 và 721 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 4 điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, buộc ông Chu Văn T, bà Đỗ Thị L phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 008/HĐTD1-VIB038/11 ngày 11/5/2011, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 008.03/KUNN1-VIB038/11 ngày 19/10/2011 và Khế ước nhận nợ 008.04/KUNN1-VIB038/11 ngày 21/10/2011, tính đến ngày 18/10/2018 gồm các khoản nợ sau:

Nợ gốc: 5.799.999.597 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 470.378.137 đồng;

Nợ lãi quá hạn trên gốc: 14.683.669.863 đồng;

Tổng cộng: 20.954.047.597 đồng.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn trên lãi là 920.857.333 đồng;

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo sau ngày tuyên án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 07/11/2018 nguyên đơn là Ngân hàng kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: ông T bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền là 21.893.732.434 đồng tuy nhiên Tòa án huyện Thạch Thất chỉ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền 20.954.047.597 đồng (tương đương Ngân hàng được chấp nhận 95,7% yêu cầu) và không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền 939.648.837 đồng (tương đương ngân hàng không được chấp nhận 4,3% yêu cầu) và án phí kinh doanh thương mại đối với vụ án trên tương đương với số tiền 5.585.431 đồng. Tòa án sơ thẩm tuyên ngân hàng phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 39.625.000 đồng là không phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 12/2018/KDTM-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất. Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn trong vụ án này là ông Chu Văn T và bà Đỗ Thị L, cùng trú tại: Thôn 1, V, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Chu Văn T, bà Đỗ Thị L, bà Hoàng Thị N, anh Nguyễn Phú T, chị Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Phú T, chị Chu Thị L, anh Nguyễn Phú N, chị Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Phú T, anh Nguyễn Phú T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo về án phí sơ thẩm của Ngân hàng thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 008/HĐTD1-VIB038/11 ngày 11/5/2011 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Chu Văn T, bà Đỗ Thị L được hai bên xác nhận là hợp pháp và có hiệu lực pháp lý.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn thừa nhận toàn bộ nợ gốc, nợ lãi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên quy định lãi suất trong hạn là 22%/năm, được điều chỉnh 01 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn 01 tháng của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu 3,3%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã cung cấp bảng kê tính lãi qua các thời kỳ thay đổi lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quán hạn theo đề nghị của nguyên đơn phù hợp với điều 91 Luật các tổ chức tín dụng là hoàn toàn phù hợp và đúng pháp luật.

Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán khoản tiền nợ lãi quá hạn trên lãi là 939.684.837 đồng là có căn cứ nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền này.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền 939.648.837 đồng (tương đương ngân hàng không được chấp nhận 4,3% yêu cầu) và án phí kinh doanh thương mại nguyên đơn phải chịu đối với số tiền trên tương đương với số tiền 5.585.431 đồng. Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 26 và mục 1.4 phần II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Do đó, Tòa án sơ thẩm tuyên nguyên đơn phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 39.625.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Tòa án sơ thẩm sau khi xét xử không có kháng cáo hay kháng nghị của Viện kiểm sát nên Tòa án cấp phúc thẩm không phải xem xét.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474, 476 và 721 Bộ luật dân sự 2005;

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Áp dụng Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Chu Văn T và bà Đỗ Thị L theo Hợp đồng tín dụng số: 008/HĐTD1-VIB038/11 ngày 11/5/2011, giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 008.03/KUNN1-VIB038/11 ngày 19/10/2011 và Khế ước nhận nợ 008.04/KUNN1-VIB038/11 ngày 21/10/2011 ký kết giữa hai bên.

2. Buộc ông Chu Văn T, bà Đỗ Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày 18/10/2018 với tổng số tiền là 20.954.047.597 đồng (trong đó: Nợ gốc là 5.799.999.597 đồng, Nợ lãi trong hạn là 470.378.137 đồng, Nợ lãi quá hạn là 14.683.669.863 đồng).

3. Ông Chu Văn T, bà Đỗ Thị L phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 19/10/2018 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

4. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn trên lãi là 920.857.333 đồng.

5. Trong trường hợp ông Chu Văn T, bà Đỗ Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại mục 2 + 3 quyết định này thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm sau:

5.1. Quyền sử dụng 99m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 047236, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.02457/QSDĐ/1607/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 3/7/2008 cho bà Nguyễn Thị N. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1503/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 4/5/2011.

5.2. Quyền sử dụng 100m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 00 tại địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 811082, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.01765/QSDĐ/2308/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 15/11/2007 cho Nguyễn Phú T, sang tên cho ông Nguyễn Phú T ngày 21/4/2011. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1504/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 4/5/2011.

5.3. Quyền sử dụng 153m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 759879, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.01326/QSDĐ/248/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 9/3/2007 cho bà Nguyễn Thị N. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1505/2011, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 4/5/2011.

5.4. Quyền sử dụng 139m^2 đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 423, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 809448, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H.01641/QSDĐ/1231/QĐ-UB do UBND huyện Thạch Thất cấp ngày 2/8/2007 cho ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị D. Tài sản bảo đảm được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1492/2011, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 29/4/2011.

6. Về án phí: Ông T, bà L phải chịu 128.954.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Q phải chịu 39.625.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền 63.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000818 ngày 8/5/2018 và số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2015/0001138 ngày 07/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 23.375.000 đồng.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/4/2019.

Nơi nhận:
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TKT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hoàng Minh Thành